

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Sửa đổi, bổ sung Thông báo số 613/TB-THADS.KV4 ngày 21/5/2026 về việc
lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thi hành án dân sự

Căn cứ Điều 20 Luật Thi hành án dân sự năm 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2022,2025);

Xét thấy Thông báo số 613/TB-THADS.KV4 ngày 21/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thi hành án dân sự cần được sửa đổi, bổ sung các nội dung như sau:

1. Tại Mục 2.3 phần 2 Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản đã ghi “*Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả*” nay bổ sung thành “*Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả. Ưu tiên tổ chức Bán đấu giá có hình thức đấu giá trực tuyến*”.

2. Tại Mục 3.2 phần 3 Hình thức nộp hồ sơ đã ghi “*Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Văn thư) của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa*” nay bổ sung thành “*Hình thức nộp hồ sơ: (i) Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Văn thư) của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa; (ii) Nộp qua đường Bưu điện theo địa chỉ: Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa- Số 169 Lê Lợi, TDP Đài Trục, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; (iii) Nộp Hồ sơ điện tử vào tài khoản: thadskv4.tha@moj.gov.vn. (Sau khi nộp Hồ sơ điện tử, tổ chức tham gia phải gửi bổ sung một bộ hồ sơ giấy để kiểm tra, đối chiếu nếu được lựa chọn)*”.

3. Tại phần 3. Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tổ chức đấu giá đã ghi “*03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản*” nay sửa đổi thành “*Từ ngày 25/5/2026 đến hết ngày 29/5/2026*”.

(Gửi kèm Thông báo này là Thông báo số 613/TB-THADS.KV4 ngày 21/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa)

Nơi nhận:

- Cổng TT điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử của THADS TP tỉnh Thanh Hóa (để đăng tải);
- Cổng TTĐT của Cục quản lý THADS (để đăng tải);
- Viện kiểm sát nhân dân KV4, Thanh Hóa;
- Đường sự (để biết);
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Lê Võ Hồng Hạnh).

CHẤP HÀNH VIÊN



Lê Võ Hồng Hạnh

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 TỈNH THANH HÓA
 Số: 613/TB- THADS.KV4

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thi hành án dân sự

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;
 Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản;
 Căn cứ Quyết định số 124/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2025 của
 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Bản án số 10/2025/DSST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân
 Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 4215/QĐ-CCTHADS ngày 19/01/2026
 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 6283/QĐ-CCTHADS ngày 18/3/2026
 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên xử lý tài sản số 111/QĐ-
 THADS ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định số 429/2026/2384-AMC
 ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Công ty TNHH Quản lý và khai thác tài sản AMC.

Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa- địa
 chỉ: Số 160 Lê Lợi, TDP Đài Trú, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa cần lựa
 chọn tổ chức đấu giá tài sản để ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thi hành án
 dân sự như sau:

1. Tên tài sản, địa chỉ tài sản, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

1.1. Tên tài sản:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 145, tờ bản
 đồ số 48 tại địa chỉ: Khu phố Nam Hải, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn,
 tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CB 736102, sổ vào
 sổ cấp giấy chứng nhận CH01683 QĐ: 185/QĐ-UBND do UBND thị xã Sầm
 Sơn, cấp ngày 19/01/2016, ngày 04/8/2022 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
 thành phố Sầm Sơn đã xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Tiến bà
 Nguyễn Thị Lý.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 146, tờ bản
 đồ số 48 tại địa chỉ: Khu phố Nam Hải, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn,
 tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CQ 252478, sổ vào
 sổ cấp giấy chứng nhận CH03223 QĐ: 2159/QĐ-UBND do UBND thành phố
 Sầm Sơn, cấp ngày 21/5/2019, ngày 28/10/2022 Chi nhánh Văn phòng đăng ký
 đất đai thành phố Sầm Sơn đã xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu
 Tiến bà Nguyễn Thị Lý.

1.2. Địa chỉ của tài sản: TDP Nam Hải, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: **30.716.860.188đ.**

Bằng chữ: (Ba mươi tỷ, bảy trăm mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, một trăm tám mươi tám đồng).

2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Điều 33 của Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp như sau:

2.1. Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

2.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

2.3. Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

2.4. Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

2.5. Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 Thanh Hóa quyết định.

(Cụ thể các tiêu chí theo Phụ lục bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ban hành kèm theo Thông báo này).

3. Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tổ chức đấu giá: 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản.

3.1. Thành phần hồ sơ: Văn bản tham gia ký Hợp đồng dịch vụ đấu giá; hồ sơ năng lực của Tổ chức đấu giá; danh mục tài liệu được đánh số thứ tự từ 01 đến hết; biên nhận hồ sơ (2 liên).

3.2. Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Văn thư) của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa.

Lưu ý:

- Hồ sơ năng lực phải được sắp xếp theo đúng trình tự của Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm (Phụ lục I) ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP, được đánh số thứ tự từ 01 đến hết và kèm bảng danh mục tài liệu.

- Đối với các tiêu chí không có tài liệu hoặc hình ảnh chứng minh thì sẽ không chấm điểm.

- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa sẽ không hoàn trả lại hồ sơ đối với tổ chức đấu giá không được lựa chọn.

Nơi nhận:

- Cổng TT điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử của THADS TP tỉnh Thanh Hóa (để đăng tải);
- Cổng TTĐT của Cục quản lý THADS (để đăng tải);
- Viện kiểm sát nhân dân KV4, Thanh Hóa;
- Đường sự (để biết);
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Lê Võ Hồng Hạnh).

CHẤP HÀNH VIÊN



Lê Võ Hồng Hạnh

PHỤ LỤC
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số 613/TB-THADS.KV4 ngày 21 tháng 5 năm 2026 của
 Thị hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu	4,0

	giá có tính khả thi và hiệu quả cao	
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7,0

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của $C = (V \times 3) / Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0

THÀNH
HÀNH
SỰ

6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0

1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	2,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	3,0
Tổng số điểm		100

